

Mấy hiểu lầm về Nho giáo Tam Cương với Ngũ Luân

Đỗ Quý Toàn

Nhiều người mang thành kiến coi Nho giáo là nền tảng xây dựng nên chế độ quân chủ tập quyền ở các nước Á Đông trước thế kỷ 20. Từ đó, họ suy ra rằng các xã hội Á Đông quen sống với giáo lý Khổng Mạnh thì không thích hợp để phát triển thể chế dân chủ. Các chế độ độc tài cũng nhân đó mà tự biện minh, chủ trương không nên dân chủ hóa, vì dân chủ là một truyền thống Tây phương, các nước Đông phương phải theo lối khác! Các chính quyền ở các nước như Singapore, và bây giờ thêm Trung Quốc, có ý đề cao Khổng giáo để biện minh cho tình trạng thiếu dân chủ trong nước họ. Nhưng tìm hiểu kỹ tận gốc, chúng ta sẽ thấy rằng Khổng Tử, Mạnh Tử không ủng hộ quyền hành tuyệt đối của người đứng đầu quốc gia, mà vào thời đại của họ từ thế kỷ thứ 6 tới thứ 3 trước Công Nguyên, đó là các ông vua chư hầu vị hoàng đế nhà Chu.

Nếu học cho kỹ chúng ta sẽ thấy trong Nho giáo từ thời Khổng Mạnh, tức là từ thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên, vốn coi trọng vai trò của người dân (Mạnh Tử: Dân vi quý, quân vi khinh) chứ không đề cao vai trò của vua quan. Trải qua hơn 2000 năm các ý kiến trọng dân đã bị những người cầm quyền bỏ quên hoặc cố ý che đậy, xóa lấp đi. Chế độ chính trị ở Trung Quốc từ đời Hán thực sự đặt trên căn bản của Pháp Gia. Nho giáo chỉ được dùng trong việc giáo dục và huấn luyện những người sẽ được tuyển chọn làm quan; còn khi thực hành thì Pháp gia mới là công cụ chính. Chính Pháp gia chủ trương tôn quân quyền triệt để. Bộ máy quan lại muốn chiều ý vua đã gán ghép chủ trương tôn quân quyền đó cho Nho giáo, thí dụ trong khái niệm Tam Cương. Khổng Tử và Mạnh Tử không bao giờ nói đến khái niệm này.

Chúng tôi trình bày một số điều hiểu lầm về Nho giáo, không phải với mục đích phục hồi lại các tư tưởng chính trị của Khổng Tử, Mạnh Tử, nhưng để tránh các thiên kiến đưa tới hệ quả sai lầm khác. Người ta thường nói rằng văn hóa Đông Phương coi trọng tập thể hơn là cá nhân, điều này đúng. Nhưng đề cao tập thể, tôn trọng cộng đồng, không có nghĩa là đề cao chính quyền và những người cầm quyền. Chế độ Tự do dân chủ không hạ thấp giá trị của tập thể mà chỉ xác định các giới hạn trên quyền hành của những người nhân danh tập thể. Các phong trào dân chủ không tìm cách hạ thấp tập thể, nhưng muốn những người nhân danh tập thể, tự xưng là đại diện cho tập thể, không được đàn áp cá nhân, triệt tiêu giá trị của mỗi cá nhân. Một điều ai cũng thấy là các nước chịu ảnh hưởng Nho giáo rất mạnh như Nhật Bản, Nam Hàn và Đài Loan đều đã xây dựng các định chế tự do dân chủ vững chắc, trong khi họ vẫn coi Khổng Mạnh là những bậc thánh hiền để học. Nếu đọc lại Khổng Mạnh, chúng ta sẽ không thấy có xung khắc giữa Nho giáo và các quyền tự do căn bản của con người.

Tam Cương

Khi nói tới quyền hành của ông vua trong xã hội cổ truyền ở Á Đông, người ta thường nhắc đến quan niệm Tam Cương. Học về Nho giáo, ai cũng nghe nói đến Tam Cương và Ngũ Thường.

Cương, theo nghĩa đen, là sợi dây chính, tức sợi dọc, trong tấm vải hay tấm lưới. Tam cương tức là ba giềng mối chính trong xã hội loài người. Tam Cương gồm có Quân thần (Vua và các quan), Phụ Tử (Cha và Con), Phu Phụ (Chồng và Vợ). Người ta thường giải thích rằng khi đề cao Tam Cương (cùng với Ngũ Thường), Nho giáo đã chủ trương người làm Vua, làm Cha và làm Chồng có quyền hành tuyệt đối đối với bầy tôi, con hay vợ.

Một điều mọi người hay quên đi là trong các sách của Khổng Tử, Mạnh Tử (và Tuân Tử sau đó) không chỗ nào nói đến Tam cương cả. Ngay cả Chu Hi, người giải thích Tứ Thư và Ngũ Kinh vào thế kỷ thứ 12 để sau đó tạo thành kinh điển căn bản trong nền giáo dục và chế độ cai trị của các nước Á Đông cho tới thế kỷ 20, cũng vậy. Chu Hi cũng không bàn đến quan niệm Tam Cương một cách kỹ lưỡng như ông bàn về các đề tài khác, tức là ông không coi Tam Cương là một quy tắc căn bản.

Theo các học giả nghiên cứu Nho giáo thì quan niệm Tam Cương đã được gán cho Khổng Tử ở trong *Hiếu Kinh*, một cuốn sách với nguồn gốc không được coi là chính xác lắm. Khái niệm Tam Cương chỉ bắt đầu được đề cao từ thời Tiền Hán, hơn 300 trăm năm sau khi Khổng Tử qua đời. Đồng Trọng Thư (thế kỷ thứ 2 trước Công Nguyên) đã nói đến “ba giềng mối” này trong khung cảnh những lý giải về thuyết âm dương, ngũ hành trong sách *Phồn Lộ*. Đọc lịch sử đời Hán chúng ta hiểu khái niệm đó được diễn tả như thế nào.

Đọc sử gia Ban Cố (32 – 92) người viết bộ *Hán Thư*, chúng ta thấy vào thế kỷ thứ nhất có những cuộc thảo luận về các lời dạy của Khổng Tử, trong giới quan lại triều đình vua nhà Hán. Ban Cố đã ghi chép lại các ý kiến đó trong bộ *Bạch Hổ Thông Đức Luận* (白虎通德論). Trong sách này, khi viết về “Tam Cương Lục Kỷ,” Ban Cố viết: “Quân thần, phụ tử, phu phụ, tức có sáu người, tại sao gọi là tam cương? (Bởi vì) một âm một dương gọi là đạo; dương được âm mà thành tự, âm được dương mà có trật tự; cương nhu tương phối, cho nên sáu người trở thành tam cương.” (Lục Hồ Thông, Quyển 7, đoạn 4, câu 2, 君臣, 父子, 夫婦, 六人也, 所以稱三綱何? 一陰一陽謂之道。陽得陰而成, 陰得陽而序, 剛柔相配, 故六人為三綱). Ban Cố nhấn mạnh đến tính chất hòa hợp và cộng tác của hai vế, vua tôi, cha con, chồng vợ, giống như âm với dương, phân biệt và bổ túc, tương phối với nhau. Theo đúng lối hiểu trong truyền thống Nho giáo thì người ta không bao giờ chủ trương âm phải tùy thuộc vào dương. Không thể căn cứ vào thuyết âm dương để biện minh cho tình trạng bầy tôi nhất thiết phải phục tùng ông vua, con phải vâng lời cha tuyệt đối, cho tới vợ phải sợ chồng.

Từ đời Hán, các triều đại ở Trung Quốc duy trì guồng máy hành chính thư lại do Tần Thủy Hoàng đặt ra để củng cố quyền ông vua và các quan lại, tức là họ sử dụng kỹ thuật cai trị của Pháp gia. Tuy nhiên, đối với bên ngoài, họ lại muốn dùng Nho giáo để biện minh cho chế độ trung ương tập quyền đó; cho nên người ta đã diễn tả thuyết Tam Cương theo nghĩa người này tùy thuộc người kia, giống như đề cao quyền uy tuyệt đối của dương trên âm. Vì thế thuyết Tam Cương được đưa lên địa vị quan trọng tương đương với Ngũ Thường (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín) trong nền giáo dục Nho giáo. Đó là một thủ đoạn hiểu Khổng Mạnh một cách thiên lệch, với ý

đồ cùng cố quyền hành tuyệt đối của ông vua.

Nhưng không hề thấy chữ Tam Cương trong *Luận Ngữ*, là cuốn sách đáng tin cậy nhất thuật lại các lời nói và hành trạng của Khổng Tử vào thế kỷ thứ 6 và 5 trước Công Nguyên. Sau đó hơn một trăm năm, một cuốn khác trong Tứ Thư là *Mạnh Tử* cũng không hề nhắc đến Tam Cương; mặc dù phần lớn nội dung sách này bàn các vấn đề việc cai trị. Từ thế kỷ thứ 13, đời nhà Tống, Nho giáo được các học giả như Trình Hiệu, Trình Di tới Chu Hi hệ thống hóa và được các triều vua sau này dùng làm sách giáo khoa chính thức mà ai cũng phải học nếu muốn dự thi để làm quan. Chính Chu Hi cũng không coi Tam Cương là quan trọng; trong khi đó ông chỉ chú ý bàn luận về khái niệm Ngũ Luân. Tương tự như Tam Cương, Ngũ Luân mô tả năm quan hệ xã hội tiêu biểu. Ngũ Luân gồm có Quân thần, Phụ tử, Phu phụ, Huynh đệ và Bằng hữu; tức là ngoài “ba giềng mối” Vua, Cha và Chồng giống như Tam Cương còn thêm hai quan hệ quan trọng khác trong xã hội, là anh em và bè bạn.

Khái niệm Ngũ Luân được đề cập lần đầu trong sách *Mạnh Tử*, thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Sách do Mạnh Tử viết và các môn đệ hiệu đính, gồm bảy quyển, mỗi quyển hai phần, thượng và hạ. Trong quyển 3, Đằng Văn Công (Thượng), câu thứ tư, Mạnh Tử nói, “Làm người ai cũng có đạo ... Thánh nhân sai ông Tiết làm tư đồ dạy Nhân Luân: Cha con có tình thân (Phụ tử hữu Thân), Vua tôi có nghĩa (Quân thần hữu Nghĩa), Chồng vợ có sự phân biệt (Phu phụ hữu Biệt), người lớn người nhỏ (anh em) có thứ tự (Trường ấu hữu Tự), bằng hữu có lòng tin (Bằng hữu hữu Tín).” (*Mạnh Tử*, 3A: 4: 父子有親, 君臣有義, 夫婦有別, 長幼有序, 朋友有信)

Ngũ Luân

Nhìn lại quan niệm Ngũ Luân này trong khung cảnh sách *Mạnh Tử*, chúng ta có thể thấy từ gốc Nho giáo không hề đề cao quyền của vua, của cha hay chồng như lối học thiên lệch sau này, nhất là từ đời Tống, thế kỷ thứ 12 bên Trung Quốc.

Trước hết, chúng ta thấy trong năm mối quan hệ gọi là “nhân luân” này, Mạnh Tử đặt tương quan giữa Cha và Con trước, giữa Vua và Tôi sau. Hoàn toàn khác với lối xếp đặt trong Tam Cương, đặt Vua trước Cha sau. Thứ tự trước sau rất quan trọng, vì đời xưa người ta rất chú ý tới thứ bậc ưu tiên, để nhấn mạnh đến tầm quan trọng, khi phát biểu.

Tại sao Mạnh Tử đặt Cha trước Vua sau? Vì đi từ gần trước, xa sau. Chúng ta biết tư tưởng luân lý và chính trị của Mạnh Tử thường được đặt ra dựa trên căn bản những quan sát của ông về tình cảm tự nhiên và trực giác của con người. Khác với bên Tây phương, Mạnh Tử, giống như Khổng Tử, không trình bày các ý kiến về đạo đức và xã hội giống như các lời chỉ dạy của thần thánh mà con người chỉ việc tuân theo; mà cũng không coi đó là kết luận của những suy nghĩ thuần lý. Các ông Khổng, Mạnh không đưa ra các nguyên tắc sống như là hệ luận của các lý thuyết, tư tưởng tổng quát và trừu tượng. Với xu hướng gọi là “cận nhân tình” đó, trong 5 mối quan hệ xã hội mà Mạnh Tử nêu ra, ba quan hệ chính đã thuộc về gia đình: Cha con, vợ chồng, và anh em; hai điều khác thuộc về xã hội bên ngoài là quan hệ giữa quốc gia (vua) với người dân (tôi), và quan hệ bạn bè. Vì chú trọng đến tình cảm tự nhiên cho nên Mạnh Tử đặt quan hệ Cha con trước quan hệ

Vua tôi, tức là từ gần đi ra xa. Nhưng thứ tự này cũng phù hợp với một ý tưởng khác mà ông đã nói, là dân quý hơn vua (Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh). Cũng vậy, quan hệ vợ chồng được đặt trước anh em, mà anh em thì gần gũi hơn bạn bè cho nên huynh đệ cũng được đặt trước bằng hữu.

Khi nói đến 5 quan hệ Nhân Luân theo thứ tự từ gần đến xa, rõ ràng là Mạnh Tử không có ý nhấn mạnh đến nghĩa vụ xã hội của mỗi người đối với tập thể trong đó có cha, có vua. Vì nếu nói đến nghĩa vụ xã hội thì quốc gia có tầm quan trọng hơn gia đình, phải đặt vua trước, cha sau mới đúng.

Nhận xét thứ hai là khi nói đến 5 mối quan hệ Nhân Luân, Mạnh Tử không hề nói trong mỗi quan hệ đó ai là người có quyền quyết định, ai là kẻ dưới phải vâng lời. Chắc chắn không bao giờ Mạnh Tử chấp nhận có sự vâng lời tuyệt đối trong nhân luân, nếu chúng ta đọc những đoạn khác trong sách. Có thể nói, Mạnh Tử nhắc đến ngũ luân trước hết để làm công việc mô tả (positive) như các nhà xã hội học sau này, chứ không có tính cách quy phạm (normative) như một nhà truyền đạo.

Để hiểu đúng quan niệm của Mạnh Tử về ngũ luân, chúng ta nên nhìn vào toàn thể văn bản trong sách đó để thấy ông đưa quan niệm này ra trong văn cảnh nào. Chúng ta sẽ thấy Mạnh Tử nói về năm mối Nhân Luân này sau khi bàn về sự phân công trong xã hội. Có thể nói Mạnh Tử đã dùng con mắt của một nhà quan sát (hay nghiên cứu) xã hội đương thời, từ đó ông trình bày 5 mối quan hệ căn bản này.

Trong Đàng Văn Công (thượng), Mạnh Tử nói đến ngũ luân nhân khi Trần Tương đến nói về một nhà hiền triết là Hứa Hành. Hứa Hành là người từ nước Sở ở phương Nam tới miền Sơn Đông nơi Mạnh Tử cư ngụ. Ông ta tự coi đã học theo tư tưởng Thần Nông, đem ra dạy vua nước Đàng hãy tự làm ruộng lấy lúa gạo, tự nấu cơm lấy mà ăn. Nghe vậy, Mạnh Tử đã giải thích rất dài về sự phân công và trao đổi trong xã hội (hơn 2000 năm sau, Adam Smith mới phân tích ích lợi kinh tế của sự phân công và trao đổi theo phong cách duy lý).

Quyền hành do Phân Công trong Xã hội

Mạnh Tử đã đặt nhiều câu hỏi với Trần Tương về Hứa Hành, để nhấn mạnh là trong xã hội thế nào cũng phải có sự phân công: Ông giải thích là mỗi người không thể tự mình vừa làm ruộng, vừa dệt vải, tự làm lấy mũ đội, cũng không thể tự mình làm các dụng cụ bằng kim loại và đất nung cho mình dùng được. Ông nói tiếp đến sự phân công giữa người “lao tâm” và “lao lực.” Từ đó, ông dẫn tới sự phân công giữa người làm công việc cai trị, giáo hóa, so với những người dân bị trị (Hoặc lao tâm, hoặc lao lực. Lao tâm giả trị nhân; lao lực giả trị ư nhân). Cho nên, ông giải thích, vua Nghiêu phải đi tìm ông Thuấn để giao cho việc cai trị dân giúp mình, rồi nhường ngôi vua cho Thuấn; ông Thuấn lại giao cho ông Ích trách nhiệm điều khiển dân đốt rừng trồng rẫy, giao việc điều khiển công tác khai sông tránh lụt lội cho ông Vũ; rồi sau đó Thuấn nhường ngôi cho Vũ. Mạnh Tử viết: “Vua Nghiêu, vua Thuấn cai trị thiên hạ, chẳng phải đã dùng hết tâm lực của họ hay sao? Cho nên không thể dùng vào việc cày ruộng được!” (Nghiêu Thuấn chi trị thiên hạ, khởi vô sở dụng kỳ tâm tai? Diệc bất dụng canh nhĩ!)

Vấn đề chính trị từ cổ tới kim chỉ nằm trong câu hỏi: Tại sao người này nói khiến người khác phải nghe theo? Khi chúng ta biết quan niệm Ngũ Luân được trình bày trong khung cảnh bàn về sự phân công trong xã hội, thì sẽ hiểu rằng Mạnh Tử nhắc đến nhân luân trong lúc bàn về nguồn gốc chính quyền: Cái gì biện minh cho quyền hành của ông vua, cái gì là căn bản để người này có thể nói mà người khác phải làm. Mạnh Tử giải thích quyền hành của ông vua, Nghiêu Thuần, là do sự phân công trong xã hội. Quyền hành không phải do một vị thần linh nào ban cho ông vua cả. Hai ngàn năm sau, những triết gia tây phương như Hobbes, Rousseau đề cập tới quan niệm “hợp đồng xã hội” cũng chỉ nói rõ ràng, phân minh đến như thế mà thôi.

Cho nên năm điều Nhân Luân mà Mạnh Tử nêu lên có tính cách những hiện tượng khách quan như khi các nhà xã hội học tìm hiểu và mô tả; chứ không phải mang tính chất quy phạm, không nói đến thứ bậc cao hay thấp, ai trên ai dưới, ai có quyền đối với ai. Đặc tính của năm mối quan hệ Nhân Luân là gì? Đó là Thân, Nghĩa, Biệt, Tự, và Tín (Phụ tử hữu Thân, Quân thần hữu Nghĩa, Phu thê hữu Biệt, Trưởng ấu hữu Tự, Bằng hữu hữu Tín).

Mạnh Tử không hề nói người làm bầy tôi phải vâng lệnh người làm vua, mà chỉ nói giữa hai bên Vua và Tôi có “Nghĩa.” Nghĩa, tức là những bổn phận, các bổn phận dựa trên lẽ phải, do lý trí mà thấy, chứ không dựa trên uy quyền. Theo mạch văn của câu “Quân thần hữu Nghĩa” thì cả hai bên, vua và bầy tôi đều liên hệ với nhau trên căn bản Nghĩa. Bổn phận của mỗi người đối với người kia có tính cách hỗ tương chứ không là quan hệ trên dưới, một chiều. Bầy tôi có nghĩa thì vua cũng phải có nghĩa, cũng giống như giữa bằng hữu thì hai bên đều phải giữ chữ tín. Sau này người ta hay bày ra thuyết Tam Cương đề cao quyền của vua, hoặc vì thiện chí muốn giữ trật tự xã hội, hoặc chỉ vì muốn xiêm nịnh các ông vua.

Cũng vậy, Mạnh Tử không nói con lúc nào cũng phải vâng lời cha, mà chỉ nhấn mạnh giữa cha và con có tình thân yêu. Giữa anh và em có thứ tự trước sau; giữa bạn bè có lòng tín nhiệm; trong đạo vợ chồng có sự phân biệt (nam nữ) để phân chia công việc gia đình, giữ trật tự xã hội qua định chế hôn nhân. Ngay câu “Phu thê hữu biệt” không hề nói là người chồng có quyền tuyệt đối trên người vợ.

Cương và Kỷ

Trở lại những điều Ban Cố viết về Tam Cương trong Bạch Hồ Thông. Sau khi hiểu Mạnh Tử, chúng ta cũng có thể thấy Ban Cố nhìn các quan hệ Tam Cương với con mắt quan sát khách quan chứ không mang tính cách mô phạm. Khi Ban Cố viết về Tam Cương, Lục Kỷ, trước hết ông trình bày như đó là những tương quan xã hội. Trong câu đầu của đoạn 4, quyển 7, Ban Cố giải thích Cương và Kỷ, từ câu trong Kinh Thi, “Vi vi ngã vương, Cương Kỷ tứ phương” Vua ta cố gắng, bốn phương có Kỷ Cương (Có nơi chép là Vi vi Văn Vương). Sau Ba Cương gồm các mối quan hệ chính của con người, Ban Cố viết về Sáu Kỷ, bàn những quan hệ phụ, nhỏ hơn. Đó là những tương quan đối với anh em, với người trong họ, các cậu bên mẹ, với sư trưởng, bằng hữu.

Ban Cố giải thích căn bản của các mối tương quan đó. Chẳng hạn đối với các cậu thì có Nghĩa, trong họ thì có Thứ Tự, anh em có tình Thân, sư trưởng có lòng Tôn trọng, bằng hữu thì dựa trên

mối quen biết lâu ngày. Mỗi quan hệ lớn gọi là cương, quan hệ nhỏ gọi là kỷ (đại giả vị cương, tiểu giả vị kỷ; 大者為綱, 小者為紀). Đọc lại đoạn văn này chúng ta thấy Ban Cố đóng vai một nhà quan sát, tìm hiểu và xếp loại các quan hệ xã hội nhiều hơn là một nhà mô phạm truyền bá một lý thuyết đạo đức hoặc chính trị với mục đích đề cao thứ bậc trên dưới.

Tại sao gọi là Cương, Kỷ? Ban Cố đặt câu hỏi. Và ông trả lời: “Cương mở những quan hệ xã hội rộng hơn; Kỷ giữ cho xã hội theo đúng lý lẽ (có trật tự)” (Cương giả, trương dã, Kỷ giả, lý dã 綱者, 張也; 紀者, 理也). Ông giải thích tiếp: “Ngũ thường là tính tự nhiên mọi người đều có. Ai cũng có tấm lòng yêu người thân. Vì thế Cương và Kỷ giáo hóa xã hội giống như cương kết nối với kỷ.” (人皆懷五常之性, 有親愛之心, 是以綱紀為化)

Cho nên khi Ban Cố viết “Quân vi thân cương, phụ vi tử cương, phu vi phụ cương” (君為臣綱, 父為子綱, 2夫為妻綱) thì câu này có thể hiểu là: Những mối quan hệ giữa vua với tôi, cha với con, chồng và vợ, là những sợi dọc, sợi dây chính (cương); dựa trên các sợi dọc đó người bầy tôi, người con, người vợ sẽ đan thêm những sợi dây ngang; dệt thành tấm lưới (hoặc tấm vải) của các quan hệ xã hội. Theo nghĩa đó, vua, cha, chồng dù có thứ bậc và ở địa vị cao hơn bầy tôi, con, và vợ; nhưng không nhất thiết là có quyền hành tuyệt đối khiến người dưới phải phục tùng người trên.

Cũng như vậy, căn cứ vào những lời Mạnh Tử nói về Ngũ Luân trong khung cảnh ông bàn vấn đề phân công trong xã hội, thì chúng ta thấy ông không hề nói tới bổn phận tuyệt đối của người con đối với cha, hay bầy tôi đối với vua.

Hiểu thiên lệch hai chữ Trung Quân

Các nhà nho sau này “nhìn thiên lệch” mỗi khi nói đến Vua thì phải nói ngay đến chữ Trung, nói đến cha là phải nhắc đến đạo Hiếu. Nhưng trong sách *Mạnh Tử* ông không nhắc đến hai bổn phận Trung và Hiếu nhiều như vậy. Có phải vì ông đã quên và bỏ sót hay không? Có thể trả lời là không, vì cuốn sách *Mạnh Tử* được soạn ra rất thận trọng. Không nhắc mạnh đến Trung, Hiếu bất cứ lúc nào, bởi vì lối suy nghĩ tự nhiên của Mạnh Tử vốn không nhắc mạnh về các vấn đề đó. Chúng ta có thể tìm lại trong những lời nói của Khổng Tử và Mạnh Tử để thấy quan điểm Nho giáo không chủ trương những bổn phận của bầy tôi hay của con là tuyệt đối, vô điều kiện. Có thể thấy những bổn phận xã hội, đặc biệt là giữa bầy tôi đối với ông vua, đều có tính cách hỗ tương hai chiều cả.

Hãy lấy một thí dụ trong *Luận Ngữ*, thiên 12 (Nhan Uyên), câu thứ 11, Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử về chính trị Khổng Tử đáp: “Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử.” Trong mỗi cặp trên, chữ thứ nhất là danh từ, chữ thứ hai là động từ: Vua làm đúng việc ông vua; tôi làm đúng việc bầy tôi; vân vân. (*Luận Ngữ*, 12, 11: 齊景公問政於孔子。孔子對曰：“君君，臣臣，父父，子子。”) Nghĩa là Vua làm hết đạo, hết bổn phận của vua, và bầy tôi làm hết đạo bề tôi; giữa cha và con, vợ và chồng cũng như vậy. Trong câu nói này chúng ta thấy Khổng Tử nói tới những trách nhiệm hỗ tương, trong hai vế mỗi bên phải làm hết bổn phận của mình, chứ không phải chỉ bên dưới có bổn phận còn bên trên thì không.

Ngoài ra, câu trên còn hàm ý các bổn phận trên đều có điều kiện. Thí dụ trong quan hệ giữa vua với bầy tôi, một bên sẽ làm hết bổn phận (quân quân) nếu bên kia làm đủ bổn phận của mình (thần thần); hoặc ngược lại. Các nhà Nho trong 800 năm sau cùng trước thế kỷ 20 đã không chịu hiểu tính chất hỗ tương và hai chiều, vì đời sống và nếp suy nghĩ của họ bị ép trong chế độ quân quyền.

Chính Pháp gia mới đề cao quyền hành tuyệt đối của ông vua; một chủ trương rất thích hợp cho những chế độ kiểu Tần Thủy Hoàng. Dưới chế độ phong kiến và quân chủ ở Trung Quốc, nhiều nhà Nho cũng biết theo đúng tự tướng nguyên thủy của Khổng, Mạnh; họ không mù quáng trung thành với các vị hoàng đế; nhiều lúc đứng lên phản đối khi ông vua làm sai; không khác gì Phan Châu Trinh lên án vua Khải Định ở nước ta trong thế kỷ trước. Trong thời Ngũ Đại (907 – 960) ở Trung Quốc, một nhà Nho như Phùng Đạo, người đầu tiên công coi việc ấn hành Tứ thư, Ngũ kinh (năm 932), đã làm những chức ngang với tể tướng cho 10 ông vua thuộc 5 triều đại khác nhau. Mặc dù Phùng Đạo sau này bị phần lớn các nhà nho chỉ trích do ảnh hưởng của Âu Dương Tu (1007 – 1072) và Tư Mã Quang (1019 – 1086), nhưng trước và sau họ cũng có nhiều sử gia khen ngợi ông; điều này cho thấy trước đời Tống (960 – 1279) quan niệm về “trung với vua” được hiểu khác với đương lối tôn quân quyền sau này.

Ai cũng tôn trọng đức trung tín, là những đức tính được Nho giáo đề cao. Nhưng nếu hiểu đúng quan niệm của Khổng Mạnh thì người ta thấy Nho giáo từ đầu vẫn có tinh thần tôn trọng người dân và coi nhẹ người cầm quyền, hơn các thế hệ Nho gia từ thế kỷ 11 về sau. Tinh thần “Dân vi quý” có thể là mầm mống để xây dựng xã hội công dân và thể chế tự do dân chủ trong thời đại bây giờ. Trong bài trên chúng tôi chỉ nêu lên những hiểu lầm về khái niệm Tam Cương cần được xóa bỏ; sẽ tiếp tục bàn thêm về những vấn đề khác để thấy rõ quan niệm của Khổng Tử và Mạnh Tử về tương quan giữa vua, người nắm quyền, và người dân như thế nào.

Đỗ Quý Toàn